TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 176/2019/HN-ST
Ngày: 09/5/2019.
V/v: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Như Phượng

2. Bà Thái Vinh Hoa

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Dương – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Phụng Hiệp.

- *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:* Ông Phan Tấn Xuân Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phụng Hiệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-HN ngày 05 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-HN ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Kim N.

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn NS, huyện T, tỉnh A. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Chí T.

Địa chỉ: ấp T, xã TB, huyện P, tỉnh H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình thu thập chứng cứ nguyên đơn chị Nguyễn Kim N trình bày: Chị và anh Nguyễn Chí T kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện P, tỉnh H. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T thường hay nhậu nhẹt sau đó kiếm chuyện gây tranh cãi và có hành vi đánh đập chị. Chị và anh T đã cố hàn

gắn nhưng không thành và đã sống ly thân từ tháng 8/2016 cho đến nay. Chị yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị và anh T được ly hôn.

Về con chung: Thời gian chung sống chị và anh Nguyễn Chí T có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 28/02/2011 và Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 24/5/2014. Hiện các con đang sống chung với chị từ lúc ly thân cho đến nay. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và cháu M, chưa yêu cầu anh T phải cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Chí T quá trình thu thập chứng cứ đã được Toà án Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không đến toà nên chưa thể hiện ý kiến.

Tại phiên toà: Chị Nguyễn Kim N phát biểu giữ như yêu cầu trước đây. Anh Nguyễn Chí T vẫn vắng mặt nên không phát biểu yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phát biểu:

- Về tố tụng: Việc thu thập chứng cứ từ khi thụ lý vụ án của Thẩm phán, mở và điều khiển phiên toà của Hội đồng xét xử tại phiên toà là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Riêng đối với bị đơn vẫn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Chấp nhận cho chị Nguyễn Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Chí T. Giao 02 cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 28/02/2011 và Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 24/5/2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chị N chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết, án phí buộc đương sự nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Chí T hiện tại có nơi cư trú tại ấp T, xã TB, huyện P, tỉnh H. Theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Phụng Hiệp.

[3]. Về xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Chí T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt.

Về nội dung tranh chấp:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nvà anh T sống với nhau từ năm 2010, có tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị N yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy chị và anh T chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh T thường hay đi nhậu về và kiếm chuyện gây tranh cãi, thậm chí còn dùng vũ lực dẫn đến mất hạnh phúc gia đình, Tòa đã mở phiên hòa giải để cho anh, chị được đoàn tụ, nhưng anh T không đến tham dự, cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn và nuôi con của chị N. Tại phiên tòa chị N kiên quyết yêu cầu được ly hôn. Xét quan hệ hôn nhân phải dựa trên nền tảng thương yêu, tôn trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau tạo lập gia đình hạnh phúc để nuôi dạy con cái, nhưng chị N và anh T không tạo lập được gia đình hạnh phúc, chị và anh T sống ly thân từ tháng 8/2016 cho đến nay nhưng không tạo điều kiện để hàn gắn thể hiện mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận cho chị Nguyễn Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Chí T.

[2]. Về con chung: Xét yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy chị N và anh T sống với nhau có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 28/02/2011 và Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 24/5/2014, từ lúc ly thân vào năm 2016 cho đến nay cháu Kvà cháu M sống chung với chị N, anh T không thường tới lui để thăm nom chăm sóc con, anh T biết chị N yêu cầu ly hôn và yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nhưng vẫn không ý kiến về việc nuôi con. Cháu K hiện nay đã trên 07 tuổi, theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình thì việc giao cháu cho ai được trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét nguyện vọng của cháu và tại Biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Tuấn K (bút lục 15) thể hiện nếu cha mẹ không sống chung nữa thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ, vì vậy việc giao các con cho chị N là phù hợp và không làm xáo trộn ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị N.

[3]. Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Buộc chị Nguyễn Kim N chịu án phí theo mức không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 150, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí kèm theo.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Chí T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn K, giới tính: Nam, sinh ngày 28/02/2011 và cháu Nguyễn Tuấn M, giới tính: Nam, sinh ngày 24/5/2014 cho chị Nguyễn Kim N được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Chí T chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Kim N chưa yêu cầu.

Anh Nguyễn Chí T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 0017004 ngày 10/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp thành án phí.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Minh Mẫn

Nơi nhận:
- VKSND huyện Phụng Hiệp
- Chi cục THA dân sự huyện Phụng Hiệp
- UBND xã Tân Bình.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ, VP.